

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2011/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 30 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định giai
đoạn 2011 - 2015 và định hướng giảm nghèo đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết 80/2011/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2331/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 về Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng giảm nghèo đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng giảm nghèo đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2020

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vì người nghèo, tăng cường và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện chất lượng cuộc sống của người nghèo ở các huyện nghèo, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Tạo cơ hội để người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo ổn định và đa dạng hóa việc làm,

tăng thu nhập, đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo và củng cố thành quả của công cuộc giảm nghèo, hạn chế tái nghèo; giảm thiểu tình trạng gia tăng bất bình đẳng về thu nhập và mức sống giữa nông thôn và thành thị, các nhóm dân cư trên địa bàn; tăng cường khả năng tiếp cận pháp lý cho người nghèo; bảo vệ phụ nữ và trẻ em hộ nghèo.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2011 - 2015

- Tạo việc làm ổn định và đa dạng hoạt động thu nhập cho lao động nghèo; tăng thu nhập bình quân đầu người của các hộ nghèo lên 2 lần và thu nhập bình quân đầu người của các huyện nghèo tăng ít nhất 3 lần so với năm 2010.

- Đến năm 2015 giảm tỷ lệ hộ nghèo chung trên địa bàn tỉnh xuống còn dưới 8%, bình quân mỗi năm giảm 2% (theo chuẩn nghèo hiện hành). Riêng các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, thôn, bản đặc biệt khó khăn giảm từ 4-5%.

- Bảo đảm các điều kiện thiết yếu về nhà ở, nước sinh hoạt, tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề, dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí, các hoạt động vui chơi, giải trí góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho các hộ nghèo, đặc biệt hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện nghèo, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Nâng tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghề,... đạt 55%.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2015

- Đến năm 2015 giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 8%, bình quân mỗi năm giảm 2% (theo chuẩn nghèo của Chính phủ giai đoạn 2011-2015).

- Đảm bảo cung cấp đủ vốn cho 100% hộ nghèo và hộ cận nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn tín dụng ưu đãi từ Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội.

- 100% người nghèo được cấp thẻ Bảo hiểm y tế; phần đầu 80% hộ cận nghèo tham gia mua Bảo hiểm y tế và được Nhà nước hỗ trợ 50% mệnh giá mua thẻ Bảo hiểm y tế tự nguyện cho hộ cận nghèo.

- 100% con em thuộc gia đình chính sách, người có công với cách mạng; trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên ở các xã vùng cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn, giảm học phí và được hỗ trợ chi phí học tập.

- Tạo việc làm ổn định và đa dạng hoạt động thu nhập cho lao động nghèo; tăng thu nhập bình quân đầu người của các hộ nghèo lên 2 lần và thu nhập bình quân đầu người của các huyện nghèo nhất tăng ít nhất 3 lần so với năm 2010.

- 100% hộ nghèo có nhà ở đơn sơ, tạm bợ, dột nát được hỗ trợ làm nhà ở; đảm bảo đạt 95% hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- 100% các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được đầu tư và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thiết yếu.

- 100% hộ nghèo và hộ cận nghèo là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện nghèo, xã nghèo và thôn, bản, đặc biệt khó khăn được tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề, đời sống văn hóa, tinh thần, tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí.

- 100% cán bộ tham gia làm công tác giảm nghèo ở các cấp được tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo.

4. Kinh phí cho công tác giảm nghèo giai đoạn 2011-2015

Ngoài các nguồn kinh phí từ Trung ương, vốn tín dụng ưu đãi từ Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội, vốn Chương trình dự án lồng ghép khác để thực hiện các dự án, chính sách cho Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015 thì ngân sách của tỉnh hỗ trợ Quỹ xóa đói, giảm nghèo là 8 tỷ đồng, cụ thể:

- Năm 2011 và năm 2012: 1 tỷ đồng/năm;

- Từ năm 2013 đến 2015: 2 tỷ đồng/năm;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Tư Pháp, Y tế, Giáo dục - Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Lê Hữu Lộc

**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2011-2015 VÀ
ĐỊNH HƯỚNG GIẢM NGHÈO ĐẾN NĂM 2020**

*(Kèm theo Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Nghèo đói là vấn đề mang tính chính trị, kinh tế, xã hội sâu sắc. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước ta, thể hiện quyết tâm chính trị cao trong việc thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc mà Việt Nam đã cam kết, nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về thu nhập và mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư.

Giải quyết vấn đề nghèo đói là nhiệm vụ lâu dài, bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân ta. Trong mười năm tới, giảm nghèo nhanh và bền vững là một trong những nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh ủy Bình Định, cũng như trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện của UBND tỉnh, chính quyền các cấp nhằm phát huy nội lực của toàn xã hội cũng như sự nỗ lực, vươn lên của người nghèo.

Phần I

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU,
CÁC CHỈ TIÊU CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO
TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2006-2010**

**I. Những thuận lợi và khó khăn trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu
Giảm nghèo tỉnh Bình Định giai đoạn 2006-2010**

Bình Định là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung và có nhiều tiềm năng đánh thức thế mạnh để phát triển kinh tế. Trong những năm qua, được sự quan tâm, sự hỗ trợ đầu tư của Chính phủ, của các bộ, ngành Trung ương, Bình Định đã không ngừng nỗ lực tự vươn lên tranh thủ mọi nguồn lực, thời cơ để phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Qua 5 năm thực hiện đã có nhiều bước phát triển, đời sống

của nhân dân ngày càng được cải thiện, năm sau cao hơn năm trước. Tổng sản phẩm địa phương (GDP) tăng bình quân 10,7%/năm. Trong đó các ngành thuộc khu vực công nghiệp-xây dựng tăng 15,2%, nông-lâm-ngư nghiệp tăng 7,1% và dịch vụ tăng 11,2%. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 15,7%/năm. Thu nhập bình quân/người tăng từ 401 USD năm 2005 lên 940 USD vào năm 2010, các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội được nâng cao, các công trình hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội được đầu tư phát triển.

Các chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách, dự án đầu tư, hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo, xã nghèo đã thực sự đi vào cuộc sống; trong đó có các chính sách đầu tư lớn cho các vùng đặc biệt khó khăn, vùng nghèo theo Chương trình 134, Chương trình 135, Chương trình xã bãi ngang, ven biển và hải đảo, Nghị quyết 30a của Chính phủ và Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị đã được triển khai thực hiện có hiệu quả góp phần làm cho kinh tế-xã hội vùng miền núi, vùng dân tộc có bước phát triển, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao.

Tuy nhiên vẫn còn một số khó khăn trong quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu Giảm nghèo tỉnh giai đoạn 2006-2010, như: Bình Định là tỉnh có dân số đông, hơn 1,5 triệu người, còn 3 huyện miền núi Vĩnh Thạnh, Vân Canh, An Lão tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao trên 50%. Có 19 xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 giai đoạn II, 54 thôn ĐBK ở 22 xã khu vực II, 20 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo và 59 xã thuộc địa bàn vùng khó khăn; điều kiện vật chất cơ sở hạ tầng khó khăn, tập quán sản xuất, sinh hoạt lạc hậu, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Nhận thức chưa đầy đủ chính sách xóa đói giảm nghèo; năng lực tổ chức, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo của nhiều cấp, nhiều ngành chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Một số ít người dân vẫn còn tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, không tự nỗ lực vươn lên để thoát nghèo.

II. Chương trình mục tiêu Giảm nghèo tỉnh giai đoạn 2006 - 2010

1. Mục tiêu chung đến năm 2010:

Gắn phát triển kinh tế với giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân. Đến năm 2010 giảm hộ nghèo xuống còn dưới 10% (theo tiêu chí cũ); giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị xuống còn 4%, nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động khu vực nông thôn lên 80%, nâng tỷ lệ lao động (cả khu vực nhà nước, doanh nghiệp và tư nhân) qua đào tạo và bồi dưỡng nghề lên 50% .

2. Các chỉ tiêu cụ thể:

- Đến năm 2010 thu nhập bình quân của hộ thoát nghèo ở nông thôn trên 2.400.000 đồng/người/năm, ở thành thị trên 3.210.000 đồng/người/năm; không để tái nghèo.

- Các xã đặc biệt khó khăn, các xã vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, cơ bản có đủ công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu theo quy định.

- Đảm bảo vốn cho hộ nghèo có nhu cầu và có đủ điều kiện được vay vốn tín dụng ưu đãi XĐGN và GQVL từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- 23.000 lượt người nghèo được khuyến nông-lâm-ngư, được chuyển giao kỹ thuật, hướng dẫn cách làm ăn.

- 6.500 người nghèo được miễn, giảm học phí học nghề (1.300 người/năm).

- 100% người nghèo được cấp thẻ Bảo hiểm y tế.

- 100% học sinh con hộ nghèo, hộ đồng bào DTTS, con hộ chính sách có công được miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường.

- 100% cán bộ tham gia làm công tác giảm nghèo ở các cấp được tập huấn nâng cao năng lực, trong đó 95% là cán bộ cấp cơ sở.

- 100% hộ nghèo thoát khỏi tình trạng nhà ở đơn sơ.

- Phần đầu đến năm 2010 có 80% lao động thất nghiệp và lao động nghèo trong độ tuổi được đào tạo, bồi dưỡng nghề.

- Giải quyết việc làm cho 120.000 đến 125.000 lao động, trong đó xuất khẩu lao động từ 5.000 đến 5.500 người.

III. Kết quả đạt được 5 năm thực hiện mục tiêu, chính sách, dự án của Chương trình mục tiêu Giảm nghèo tỉnh Bình Định giai đoạn 2006-2010.

1. Mục tiêu chung:

Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm từ 19,66% năm 2006, xuống còn 7,23% năm 2010, vượt chỉ tiêu kế hoạch của Nghị quyết đề ra trước 2 năm. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm từ 5,1% năm 2006, xuống còn 4% năm 2010, thời gian làm việc ở khu vực nông thôn được nâng lên từ 76% năm 2006 lên 80% năm 2010; Giải quyết cho 224.695 lượt hộ nghèo vay vốn tín dụng ưu đãi. Thực hiện cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho 871.593 lượt người nghèo, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch đề ra; thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo được 7.775 hộ, trong đó có 1.450 hộ đồng bào dân tộc thiểu số; Có hơn 3.392 người nghèo được học nghề và tạo việc làm; Giải quyết việc làm trên 121.000 lao động, đạt chỉ tiêu kế hoạch; Cơ sở hạ tầng ở các xã đặc biệt khó khăn, các xã vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo đã có sự đầu tư đáng kể, nhất là về hạ tầng cơ sở phục vụ phát triển sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, đời sống của người dân

từng bước được nâng lên. Thu nhập bình quân đầu người tính đến năm 2010 đạt 18.000.000 đồng/người/năm.

2. Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo chung trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2006-2010:

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình mục tiêu giảm nghèo tỉnh giai đoạn 2006-2010.

Cuối năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh là 19,66%; tương đương 65.410 hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tại Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 8/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ). Qua 5 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Giảm nghèo, tính đến cuối năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giảm xuống còn 7,23%; bình quân mỗi năm giảm 1,5% hộ nghèo, cơ bản đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, cụ thể:

a. Năm 2006: Toàn tỉnh có 53.768 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 15,45% (giảm 4,21% so với cuối năm 2005); Có 5.393 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm 10,03% số hộ nghèo. Trong năm có 16.371 hộ thoát nghèo; Có 4.729 hộ nghèo mới và tái nghèo.

b. Năm 2007: Toàn tỉnh còn 44.820 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 12,63% (giảm 2,82% so với cuối năm 2007); Có 4.847 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm 10,81% số hộ nghèo. Trong năm có 13.229 hộ thoát nghèo; Có 4.281 hộ nghèo mới và tái nghèo.

c. Năm 2008: Toàn tỉnh còn 41.424 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 11,35% (giảm 1,28% so với năm 2007); Có 4.642 hộ nghèo dân tộc thiểu số. Trong năm có 8.429 hộ thoát nghèo; Có 5.033 hộ nghèo mới và tái nghèo.

d. Năm 2009: Toàn tỉnh còn 36.334 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 9,55% (giảm 1,80% so với năm 2008); Có 4.069 hộ nghèo dân tộc thiểu số. Trong năm có 10.666 hộ thoát nghèo; Có 5.576 hộ nghèo mới và tái nghèo.

e. Năm 2010: Toàn tỉnh còn 27.381 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 7,23% (giảm 2,32% so với năm 2009); Có 4.088 hộ nghèo dân tộc thiểu số, có 8.953 hộ thoát nghèo.

Bảng chỉ tiêu kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo qua các năm

Chỉ tiêu	ĐVT	Cuối 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Tổng số hộ nghèo	Hộ	65.410	53.768	44.820	41.424	36.334	27.381
Trong đó: + Thành thị	Hộ	6.152	6.627	5.764	5.386	4.681	3.941
+ Nông thôn	Hộ	59.258	47.141	39.056	36.038	31.653	23.440
Tỷ lệ hộ nghèo	%	19,66	15,45	12,63	11,35	9,55	7,23

Số hộ thoát nghèo	Hộ		16.371	13.229	8.429	10.666	
Số hộ rơi vào nghèo	Hộ		4.729	4.281	5.033	5.576	
Số hộ thoát nghèo tuyệt đối	Hộ		11.642	8.948	3.396	5.090	
Tỷ lệ giảm hộ nghèo	%		4,21	2,82	1,28	1,80	2,32
Tổng số hộ nghèo DTTS	Hộ	6.500	5.393	4.847	4.642	4.069	6.076

3. Kết quả thực hiện các chính sách, các dự án giảm nghèo giai đoạn 2006-2010:

Qua 5 năm (2006-2010) giải quyết cho 224.695 lượt hộ nghèo vay vốn với tổng số vốn cho vay là 2.627.747 triệu đồng; Hỗ trợ khám chữa bệnh miễn phí 1.317.121 lượt người nghèo với tổng kinh phí điều trị là 215.578 triệu đồng. Thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 871.593 lượt người nghèo, tổng kinh phí thực hiện là 131.298 triệu đồng. Thực hiện miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp cho hơn 121.247 học sinh, là con em hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, với tổng tiền miễn, giảm là 10.741 triệu đồng. Hỗ trợ về vở viết, sách giáo khoa cho 19.560 học sinh, con hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số với kinh phí thực hiện 2.582 triệu đồng.

Thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo được 7.775 hộ, trong đó: 1.450 hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ là 135.217 triệu đồng (bình quân mỗi hộ hỗ trợ từ 20-25 triệu đồng/nhà). Trợ giúp pháp lý cho 11.670 lượt người, trong đó 2.033 lượt người nghèo được trợ giúp pháp lý, 9.637 lượt người còn lại là người dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, người chưa thành niên và các đối tượng khác.

Công tác khuyến nông, lâm, ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề thực hiện mở các lớp tập huấn, trình diễn 22 mô hình khuyến nông, lâm, ngư và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho 1.794 lượt nông dân tham gia, hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề cho người nghèo 17 dự án, 7 ngành, nghề được hỗ trợ sản xuất với 210 lượt người được hướng dẫn.

Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu ở 20 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo tổng kinh phí thực hiện là 103.200 triệu đồng, trong đó: Kinh phí Trung ương hỗ trợ là 65.600 triệu đồng; ngân sách địa phương hỗ trợ 34.676 triệu đồng; huy động nhân dân đóng góp là 5.504 triệu đồng. Đã xây dựng được 149 hạng mục công trình thiết yếu tại các xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo với hơn 459.720 người được hưởng lợi.

Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ làm công tác giảm nghèo: Phối hợp với chính quyền địa phương cấp huyện, xã, thôn tổ chức được 16 lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác giảm nghèo, có hơn 4.828 lượt cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp huyện, xã, thôn tham gia; kinh phí thực hiện 3.122 triệu đồng. Dạy nghề cho người nghèo: Đã mở được 106 lớp, có hơn 3.392 người nghèo được học các nghề như: mộc, nề, may, đan lát. Kinh phí Trung ương hỗ trợ là 6.270 triệu đồng.

4. Kết quả huy động nguồn lực cho Chương trình mục tiêu Giảm nghèo giai đoạn 2006-2010:

Trong 5 năm qua, kết hợp với nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và kết hợp với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác đã triển khai thực hiện trên địa bàn, Chương trình xóa đói giảm nghèo tỉnh cũng đã huy động **4.860.197** triệu đồng, trong đó: Vốn Chương trình giảm nghèo: 122.067 triệu đồng; Vốn tín dụng ưu đãi: 2.143.000 triệu đồng; Vốn Ngân sách tỉnh: 444.270 triệu đồng; Quỹ xóa đói giảm nghèo: 5.100 triệu đồng; Huy động cộng đồng: 120.130 triệu đồng; Vốn Chương trình lồng ghép khác: 2.025.630 triệu đồng.

IV. Nhận xét, đánh giá chung.

Giảm nghèo là chủ trương lớn, xuyên suốt nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, để thực hiện thành công mục tiêu trên, đòi hỏi có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Vì vậy, ngay từ đầu năm 2006 Tỉnh ủy, HĐND đã đề ra Nghị quyết; UBND tỉnh đã có Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo tỉnh giai đoạn 2006-2010. Các cấp, các ngành từ tỉnh đến huyện theo sự phân công đã triển khai thực hiện các kế hoạch, dự án của Chương trình mục tiêu giảm nghèo của từng địa phương, đơn vị. Đồng thời trong quá trình thực hiện có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, đoàn thể nên tạo được sự đồng thuận, ủng hộ từ nhiều phía, góp phần thực hiện thắng lợi các chính sách, dự án và nâng cao tính hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2006-2010.

1. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a. Tồn tại, hạn chế:

Tỷ lệ hộ nghèo tại một số xã miền núi vẫn còn cao, số hộ tái nghèo sau từng năm chiếm tỷ lệ lớn (40%-50%) so với hộ thoát nghèo. Một bộ phận hộ thoát nghèo còn có nguy cơ tái nghèo vì phải sống trong những vùng không thuận lợi về điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí hậu, thiếu việc làm và việc làm không ổn định, thu nhập thấp. Tốc độ giảm nghèo không đồng đều ngay trong các xã của huyện và giữa các huyện, các vùng có điều kiện giống nhau; vùng miền núi tỷ lệ nghèo vẫn đang ở mức cao như

huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão. Một số huyện có tiềm năng, điều kiện phát triển kinh tế-xã hội nhanh nhưng tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao như: An Nhơn, Phù Cát.

Nhận thức của một số ít chính quyền các địa phương chưa thật sự sâu sắc, đầy đủ về công tác xóa đói giảm nghèo, trong chỉ đạo, điều hành, phối hợp thực hiện còn nhiều lúng túng, hiệu quả đạt được chưa cao. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, giáo dục người nghèo chưa làm triệt để, chưa lấy bản thân người nghèo làm trọng tâm để tuyên truyền, giáo dục khơi dậy mỗi bản thân người nghèo ý thức của sự tự vươn lên phát triển sản xuất thay đổi bản thân, cuộc sống để thoát nghèo. Vì vậy tư tưởng ỷ lại, trông chờ của một bộ phận người nghèo vào sự hỗ trợ của Nhà nước còn rất nặng nề.

Năng lực trình độ của cán bộ cấp cơ sở còn nhiều hạn chế, chưa nắm bắt, tiếp cận nhanh những kỹ năng, nghiệp vụ, chuyên môn khoa học kỹ thuật, nên khi chuyển giao kiến thức khoa học kỹ thuật mới cho người dân không đầy đủ, hiệu quả đạt được còn thấp; Việc giao dự án về cho UBND xã làm chủ đầu tư nhằm nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện các dự án có nơi vẫn chưa đạt theo yêu cầu do năng lực quản lý, tổ chức còn hạn chế. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước chưa cao, còn lãng phí, chất lượng xây dựng các công trình đường giao thông nông thôn, trường học, trạm y tế, chợ còn thấp..., một số dự án đầu tư không đúng chỗ, chưa phát huy hết tác dụng dẫn đến các công trình xây dựng xuống cấp nhanh.

b. Nguyên nhân:

Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 được thực hiện theo cơ chế liên ngành; tuy nhiên việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện của các cấp, các ngành chưa chặt chẽ, thiếu tính đồng bộ, thiếu năng động sáng tạo, việc lồng ghép các chương trình, các dự án chưa mang lại hiệu quả tích cực. Công tác chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ Chương trình mục tiêu giảm nghèo ở các địa phương, cơ sở thiếu quyết tâm còn nể nang. Công tác thu hồi nợ, xử lý nợ quá hạn ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức, thiếu kiên quyết. Nguồn quỹ giải quyết việc làm tuy hàng năm có bổ sung nhưng vẫn còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu vay của nhân dân.

Nhận thức của các cấp, các ngành, của nhân dân ở địa phương nhất là cấp xã, thôn về công tác giảm nghèo, vượt nghèo còn nhiều hạn chế, tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước; trong tổ chức thực hiện chương trình thiếu năng động sáng tạo, chưa khai thác và huy động hết sức mạnh trong dân, chưa chủ động hướng dẫn các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

Công tác phối hợp giữa các sở, ngành trong việc tham mưu cho UBND tỉnh cũng như việc phối hợp của các phòng chức năng cho UBND huyện về chương trình mục tiêu giảm nghèo chưa tích cực, thiếu đồng bộ dẫn đến hoạt động chỉ đạo điều hành chậm trễ, chưa kịp thời; hoạt động đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, nhân điển hình, mô hình tiên tiến chưa được quan tâm đúng mức.

2. Kinh nghiệm trong việc thực hiện thành công Chương trình mục tiêu giảm nghèo tỉnh giai đoạn 2006-2010.

Quan trọng quan điểm nhận thức trong công tác xóa đói giảm nghèo là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền, sự phối hợp đồng bộ của các tổ chức hội, đoàn thể để khơi dậy tiềm năng, phát huy thế mạnh, điều kiện của từng hộ nghèo cùng với sự hỗ trợ của toàn xã hội sẽ tạo ra sức mạnh tổng lực giúp cho huyện nghèo, xã nghèo, hộ nghèo có cơ hội phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vươn lên thoát nghèo. Tránh tình trạng dựa dẫm vào nguồn lực Nhà nước hoặc xóa bỏ mặc cảm tự ti, tự bản thân mỗi hộ nghèo phải nỗ lực phấn đấu vươn lên để thoát nghèo.

Trong quản lý và chỉ đạo thực hiện lồng ghép các chính sách, chương trình, dự án đầu tư đúng đối tượng; đa dạng hóa việc huy động nguồn lực cho việc thực hiện mục tiêu của chương trình giảm nghèo, nhất là chủ động khai thác và sử dụng nguồn lực tại chỗ kết hợp với sự hỗ trợ của Nhà nước, của các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị-xã hội, các cá nhân và cộng đồng. Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ kinh nghiệm, vốn, kỹ thuật cho công tác giảm nghèo. Gắn việc quản lý sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn lực cho giảm nghèo với hướng dẫn tập huấn kỹ thuật, kinh nghiệm làm ăn, khuyến nông, lâm, ngư, công tới hộ nghèo.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn phát huy thế mạnh của mỗi vùng, chuyển đổi cơ cấu cây, con ở từng vùng cho phù hợp theo hướng sản xuất hàng hóa, hướng dẫn cho dân về thị trường tiêu thụ sản phẩm, có chính sách hỗ trợ đầu vào, có cán bộ khuyến nông, khuyến công hướng dẫn đồng bào tổ chức sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản hàng hóa tại chỗ.

Chú trọng công tác tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể xã hội và sự tham gia của cộng đồng. Quan tâm xây dựng, tổ chức và bố trí cán bộ có kinh nghiệm, nhiệt tình, tâm huyết làm công tác xóa đói giảm nghèo các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở.

Khen thưởng, biểu dương kịp thời những đơn vị và cá nhân làm tốt, đồng thời xử lý nghiêm những tập thể và cá nhân thiếu trách nhiệm trong tổ chức chỉ đạo thực hiện

Chương trình mục tiêu giảm nghèo hoặc vi phạm các chủ trương, chính sách, dự án về giảm nghèo.

Phần II

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2011-2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢM NGHÈO ĐẾN NĂM 2020

I. Căn cứ pháp lý xây dựng Chương trình:

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2010-2015;

- Nghị quyết số 19/2011/NQ-HĐND ngày 18/8/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về Kế hoạch phát triển Kinh tế-Xã hội 5 năm 2011-2015;

- Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

- Nghị quyết 80/2011/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

- Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 26/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo giảm nghèo tỉnh;

- Quyết định số 2331/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành danh mục các Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2011;

- Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015;

II. Quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015 và định hướng giảm nghèo đến năm 2020.

1. Quan điểm

Xóa đói giảm nghèo là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước và là sự nghiệp của toàn dân. Phải huy động nguồn lực của Nhà nước, của xã hội và của người dân để khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, nhất là sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp để xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội bền vững. Cùng với sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng xã hội, sự nỗ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo của người nghèo, hộ nghèo là nhân tố quyết định thành công của công cuộc xóa đói giảm nghèo.

Công cuộc giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo sâu sát, cụ thể và đồng bộ của các cấp chính quyền, sự phối hợp tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; đồng thời, phải phát huy vai trò làm chủ của người dân từ khâu xây dựng kế hoạch, đến tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá hiệu quả của Chương trình.

Cùng với việc tiếp tục thực hiện các chính sách, dự án Chương trình mục tiêu Giảm nghèo chung của tỉnh, Trung ương tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư, hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 3 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ. Căn cứ vào tinh thần của Nghị quyết HĐND các cấp các huyện, thành phố xây dựng mục tiêu giảm nghèo của từng địa phương cho phù hợp với thực tiễn, nhất là các huyện miền núi, trung du có đồng bào dân tộc thiểu số sống tập trung để huy động nguồn lực của địa phương đầu tư hỗ trợ giảm nghèo nhanh và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu

a. Mục tiêu tổng quát đến năm 2020:

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vì người nghèo, tăng cường và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, cải thiện chất lượng cuộc sống của người nghèo ở các huyện nghèo, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Tạo cơ hội để người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo ổn định và đa dạng hóa việc làm, tăng thu nhập, đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo và củng cố thành quả của công cuộc giảm nghèo, hạn chế tái nghèo; giảm thiểu tình trạng gia tăng bất bình đẳng về thu nhập và mức sống giữa nông thôn và thành thị, các nhóm dân cư trên địa bàn; tăng cường khả năng tiếp cận pháp lý cho người nghèo; bảo vệ phụ nữ và trẻ em hộ nghèo.

b. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2011-2015:

Tạo việc làm ổn định và đa dạng hoạt động thu nhập cho lao động nghèo; tăng thu nhập bình quân đầu người của các hộ nghèo lên 2 lần và thu nhập bình quân đầu người của các huyện nghèo tăng ít nhất 3 lần so với năm 2010. Đến năm 2015 giảm tỷ lệ hộ nghèo chung trên địa bàn tỉnh xuống còn dưới 8%, bình quân mỗi năm giảm 2% (theo chuẩn nghèo hiện hành). Riêng các huyện nghèo, xã ĐBKK, thôn, bản ĐBKK giảm từ 4-5%. Bảo đảm các điều kiện thiết yếu về nhà ở, nước sinh hoạt, tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề, đời sống văn hóa, tinh thần, tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí cho các hộ nghèo, đặc biệt hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện nghèo, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Nâng tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghề, ... đạt 55%.

c. Các chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2015:

- Đến năm 2015 giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 8%, bình quân mỗi năm giảm 2% (theo chuẩn nghèo của Chính phủ giai đoạn 2011-2015).

- Đảm bảo cung cấp đủ vốn cho 100% hộ nghèo và hộ cận nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn tín dụng ưu đãi từ Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội.

- 100% người nghèo được cấp thẻ Bảo hiểm y tế; phần đầu 80% hộ cận nghèo tham gia mua Bảo hiểm y tế và được Nhà nước hỗ trợ 50% mệnh giá mua thẻ Bảo hiểm y tế tự nguyện cho hộ cận nghèo.

- 100% con em thuộc gia đình chính sách, người có công với cách mạng; trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên ở các xã vùng cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn, giảm học phí và được hỗ trợ chi phí học tập.

- Tạo việc làm ổn định và đa dạng hoạt động thu nhập cho lao động nghèo; tăng thu nhập bình quân đầu người của các hộ nghèo lên 2 lần và thu nhập bình quân đầu người của các huyện nghèo nhất tăng ít nhất 3 lần so với năm 2010.

- 100% hộ nghèo có nhà ở đơn sơ, tạm bợ, dột nát được hỗ trợ làm nhà ở; đảm bảo đạt 95% hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- 100% các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được đầu tư và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thiết yếu.

- 100% hộ nghèo và hộ cận nghèo là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện nghèo, xã nghèo và thôn, bản, đặc biệt khó khăn được tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề, đời sống văn hóa, tinh thần, tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí.

- 100% cán bộ tham gia làm công tác giảm nghèo ở các cấp được tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo.

III. Giải pháp và chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015 và định hướng giảm nghèo đến năm 2020.

A. Các giải pháp chủ yếu

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác giảm nghèo

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về Chương trình mục tiêu Giảm nghèo phải được đặc biệt quan tâm; giúp cho mọi người hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung các chính sách của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác giảm nghèo; xác định công tác giảm nghèo là nội dung, mục tiêu lãnh đạo và

chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, là trách nhiệm của mọi người dân, nhất là người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo, huyện nghèo, động viên để hộ nghèo vươn lên thoát nghèo.

Các phương tiện thông tin đại chúng tiếp tục tăng thời lượng cho chuyên mục về công tác giảm nghèo với nội dung sát thực tế, song song với việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách, nội dung hoạt động của Chương trình mục tiêu Giảm nghèo, cần phổ biến các điển hình, mô hình, cách làm hiệu quả về xóa đói giảm nghèo tại các vùng, địa phương trong tỉnh.

2. Phát triển kinh tế-xã hội gắn với giảm nghèo và tạo việc làm

Tập trung phát triển các chương trình kinh tế trọng điểm theo nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh. Cải thiện tốt môi trường đầu tư để thu hút ngày càng nhiều nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh; xây dựng bổ sung cơ chế chính sách thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, làng nghề truyền thống nhằm tạo ra tăng trưởng nhanh về công nghiệp, đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, vừa giải quyết được nhiều việc làm tại chỗ, vừa góp phần giảm nghèo bền vững. Các chương trình phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn phải kết hợp để hướng tới mục tiêu giảm nghèo và làm giàu.

Thực hiện đổi mới cơ chế chính sách để thúc đẩy tạo việc làm tại chỗ, kết hợp đẩy mạnh xuất khẩu lao động trên cơ sở áp dụng các chính sách của tỉnh đối với người nghèo. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, chuyển đổi đất đai trong nông nghiệp, tập trung đầu tư vào các vùng có nhiều lợi thế về tài nguyên, đất đai và lao động. Phát triển các ngành có khả năng thu hút nhiều lao động phổ thông, phù hợp với điều kiện phát triển của từng vùng, từng khu vực. Xây dựng các mô hình phát triển kinh tế như: Làng nghề, trang trại, doanh nghiệp nhỏ và vừa, sản xuất kinh doanh tổng hợp... và mô hình xóa đói giảm nghèo có hiệu quả cho từng nhóm đối tượng để nhân diện rộng.

3. Tập trung nguồn lực đầu tư và các hoạt động ưu tiên cho các xã đặc biệt khó khăn, xã nghèo, huyện nghèo, hộ nghèo

Đối tượng tập trung đầu tư là các xã đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang ven biển, hải đảo, xã nghèo, huyện có tỷ lệ nghèo cao, các hộ dân tộc ít người, hộ nghèo, đối tượng chính sách Người có công, chính sách xã hội...

Các nội dung ưu tiên trong thực hiện Chương trình mục tiêu Giảm nghèo là: Ưu tiên nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, hướng dẫn cách làm ăn khuyến nông,

lâm, ngư và khuyến công. Giúp người nghèo tiếp cận các dịch vụ sản xuất, xã hội cơ bản; đảm bảo cho các dịch vụ hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cho vay vốn, hỗ trợ giáo dục, y tế, văn hóa và từng bước nâng cao chất lượng các dịch vụ.

Hướng dẫn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở các xã ĐBKK là tập trung giải quyết trước các công trình đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhân dân để đảm bảo điều kiện phát triển kinh tế và ổn định đời sống: giao thông, thủy lợi, trạm bơm cấp nước nuôi trồng thủy sản, trường học, trạm y tế,... phương châm đầu tư là “nơi khó làm trước, nơi dễ làm sau”, góp phần đảm bảo sự công bằng và thúc đẩy những nơi có điều kiện khá hơn chủ động huy động nguồn lực tại chỗ cho công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích huyện nghèo, xã nghèo, hộ nghèo thoát nghèo, đảm bảo mục tiêu xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững, chống tái nghèo có hiệu quả. Thực hiện việc kéo dài thời gian áp dụng các chính sách hỗ trợ cho các hộ nghèo, như chính sách tín dụng ưu đãi, bảo hiểm y tế, hỗ trợ giáo dục,... sau khi đã thoát nghèo vẫn được tiếp tục thụ hưởng các chính sách từ một đến hai năm.

B. Chính sách, dự án về giảm nghèo

1. Nhóm các chính sách tạo điều kiện về sinh kế cho người nghèo

a. Chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo:

Tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, khắc phục tình trạng có quá nhiều chính sách tín dụng với nhiều lãi suất ưu đãi khác nhau đối với cùng một hộ nghèo hiện nay. Áp dụng chung mức lãi suất ưu đãi và có tính ưu đãi hơn đối với hộ nghèo là hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện nghèo, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, chủ hộ là người khuyết tật khi vay vốn sản xuất, kinh doanh, học nghề, vay làm nhà ở. Hộ nghèo đã thoát nghèo nhưng đang trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng thì tiếp tục được hưởng chính sách này đến hết hợp đồng. Tiếp tục thực hiện cho vay ưu đãi đối với học sinh, sinh viên con gia đình hộ cận nghèo.

Từng bước giảm dần ưu đãi thông qua lãi suất, tiến tới cho vay theo lãi suất thương mại; đơn giản về điều kiện, thủ tục hồ sơ để người nghèo dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn ưu đãi. Áp dụng linh hoạt phương thức cho vay, chủ yếu là ủy thác từng phần cho các tổ chức chính trị xã hội trên cơ sở hình thành các nhóm tín dụng-tiết kiệm của các tổ chức (như phụ nữ, nông dân, thanh niên...). Gắn vay vốn tạo việc

làm tại chỗ với dạy nghề, hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến công và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất.

b. Chính sách hỗ trợ dạy nghề miễn phí cho người nghèo gắn với giải quyết việc làm:

Đẩy mạnh thực hiện đề án dạy nghề cho lao động nông dân theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; lồng ghép về đối tượng, địa bàn, nguồn lực với các chương trình khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, dạy nghề cho người nghèo, cho lao động xuất khẩu, bộ đội xuất ngũ, người khuyết tật..., ưu tiên nguồn lực, đầu tư cơ sở, trường, lớp, thiết bị dạy nghề, đào tạo giáo viên dạy nghề; gắn dạy nghề với tạo việc làm đối với lao động nghèo cho các huyện nghèo, vùng khó khăn; vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp. Mở rộng diện áp dụng chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động đối với lao động nghèo trên địa bàn 3 huyện nghèo của tỉnh theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ.

Tăng mức hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, người khuyết tật, đồng bào các dân tộc thiểu số ở những vùng đặc biệt khó khăn khi tham gia học nghề. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ học nghề phù hợp đối với lao động thuộc hộ mới thoát nghèo trong 1 đến 2 năm, tạo điều kiện để họ thoát nghèo bền vững.

c. Chính sách cung cấp dịch vụ khuyến nông-lâm-ngư-công, hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề cho người nghèo làm nông nghiệp:

Triển khai các dự án phải sát thực, phù hợp với yêu cầu của người nghèo và định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương nơi người nghèo cư trú và phải phù hợp với trình độ hiểu biết của người nghèo để người nghèo dễ tiếp thu và áp dụng. Công tác tổ chức tập huấn phải được đưa về tận xã, thôn bản để nhiều người nghèo có điều kiện tham gia. Phát triển các hình thức dạy nghề ngắn hạn tại chỗ cho người nghèo, tạo điều kiện để họ tự tạo việc làm, tăng thu nhập và đây là cơ sở để góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững. Xây dựng và chuyển giao các mô hình mẫu về hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề, chăn nuôi, kinh tế vườn đồi, cải tạo vườn tạp, nuôi trồng thủy sản.

Hỗ trợ phát triển và xây dựng mô hình chế biến, nông lâm sản và ngành nghề phi nông nghiệp, tổ chức tham quan mô hình điển hình về xóa đói giảm nghèo có hiệu quả. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả vốn đầu tư xây dựng, khôi phục và phát triển làng nghề. Tổ chức các lớp dạy nghề truyền thống, du nhập nghề mới cho hộ nghèo và cộng đồng dân cư. Xây dựng và phát triển đội ngũ khuyến nông viên ở các xã nghèo.

Đẩy mạnh công tác khuyến công, chuyển giao công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất để hướng dẫn người nghèo biết cách làm ăn có hiệu quả; tiếp tục nhân rộng và phát triển các mô hình sản xuất, các làng nghề truyền thống, tạo cơ hội cho người nghèo tham gia sản xuất để tăng thu nhập, góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo đến năm 2015.

d. Chính sách khuyến công, chính sách thu hút các ngành nghề, làng nghề trên địa bàn xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, huyện nghèo:

Triển khai các dự án khuyến công, ưu tiên đầu tư phát triển ở địa bàn xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn và 03 huyện nghèo của tỉnh. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện vấn đề xúc tiến thương mại, quảng bá giới thiệu sản phẩm đặc trưng ở các vùng nghèo, các làng nghề truyền thống để giúp phát triển kinh tế-xã hội giảm nghèo bền vững cho các địa phương trên địa bàn tỉnh.

2. Nhóm chính sách tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội

a. Chính sách hỗ trợ người nghèo về y tế:

Ưu tiên hỗ trợ nguồn lực để nâng cấp cơ sở y tế (cơ sở vật chất và nguồn nhân lực) nhằm đảm bảo cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản, đáp ứng yêu cầu thiết yếu cho người dân ở các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Thực hiện cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho người nghèo, hỗ trợ người cận nghèo mua thẻ Bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân năm 2014. Nghiên cứu chính sách hỗ trợ việc cung cấp dinh dưỡng cho phụ nữ, trẻ em nghèo ở địa bàn nghèo.

Có cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp huy động nguồn lực cộng đồng trong việc xây dựng quỹ khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, khám chữa bệnh nhân đạo, khuyến khích các đội y tế lưu động phục vụ vùng sâu, vùng xa, hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân thuộc hộ nghèo khi chuyển lên tuyến trên. Xác định rõ trách nhiệm của người nghèo trong công tác phòng bệnh, tự bảo vệ chăm lo sức khỏe, vệ sinh môi trường sống và thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.

Trợ giúp người nghèo trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu, miễn giảm phí khám chữa bệnh bằng các hình thức như mua thẻ bảo hiểm y tế khám, chữa bệnh, khám chữa bệnh nhân đạo, từ thiện..., tiếp tục cung cấp trang thiết bị y tế, cung ứng thuốc chữa bệnh cho tuyến y tế cơ sở các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn. Thực hiện việc đào tạo và đào tạo lại cán bộ y tế xã và có chính sách thu hút cán bộ chuyên môn, bác sỹ tăng cường cho tuyến huyện miền núi. Ưu tiên đầu tư trước để đạt chuẩn cơ sở bệnh viện, trạm y tế ở các huyện, xã nghèo.

b. Chính sách hỗ trợ về giáo dục-đào tạo:

Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ; có cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp đối với học sinh nghèo học ở các trường dân lập do không có điều kiện học trong các trường công lập; ưu tiên hơn đối với con em hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh nghèo khuyết tật.

Bảo đảm cho con em tất cả hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc có các điều kiện cần thiết trong học tập. Giảm sự chênh lệch về môi trường học tập và sinh hoạt trong nhà trường giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi; hỗ trợ vở viết, sách giáo khoa, cấp học bổng cho học sinh thuộc diện nghèo vượt khó, khuyến khích học sinh nghèo học giỏi bằng các giải thưởng và chế độ ưu đãi khác. Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường dân tộc nội trú, các trường tiểu học thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn.

Thực hiện chính sách ưu đãi, thu hút đối với giáo viên công tác ở địa bàn khó khăn; khuyến khích xây dựng “Quỹ khuyến học”; ưu tiên đầu tư trước để đạt chuẩn cơ sở trường, lớp học ở các xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

Động viên, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tình nguyện tham gia giúp người nghèo nâng cao trình độ học vấn, tổ chức các hình thức giáo dục phù hợp để ngăn ngừa tình trạng tái mù chữ. Tiếp tục bổ sung và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên các cấp học ở các xã, huyện miền núi.

c. Chính sách hỗ trợ về nhà ở:

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, hoàn thành và kết thúc vào năm 2012.

Từ năm 2013 trở đi, các địa phương chủ động, tích cực huy động nguồn lực của cộng đồng xã hội, doanh nghiệp, gia đình, dòng họ cùng với nguồn cho vay vốn tín dụng ưu đãi để hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở. Ưu tiên giải quyết trước đối tượng hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, hộ di dân, chủ hộ là người cao tuổi, phụ nữ, người khuyết tật. Xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh để hỗ trợ nhà ở đối với người nghèo ở đô thị trên cơ sở huy động nguồn lực của cộng đồng, gia đình, dòng họ. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình đầu tư xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp.

d. Chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý:

Thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo hiểu biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp của Nhà nước, vươn lên thoát nghèo. Ưu tiên và tập trung cho đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, thôn, bản đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường năng lực cho các tổ chức thực hiện trợ giúp Pháp lý, người thực hiện trợ giúp Pháp lý, Tư pháp xã, Tổ hòa giải, câu lạc bộ trợ giúp Pháp lý cấp xã.

đ. Chính sách hỗ trợ người nghèo hưởng thụ văn hóa, thông tin:

Tổ chức thực hiện tốt chương trình đưa văn hóa, thông tin về địa bàn các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo. Đa dạng hóa các hoạt động truyền thông, giúp người nghèo nhất là người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn tiếp cận các chính sách giảm nghèo, phổ biến các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, gương thoát nghèo và không ngừng nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số, phù hợp với bản sắc, văn hóa truyền thống và các giá trị văn hóa tiêu biểu của dân tộc.

3. Các chính sách đặc thù cho địa bàn khó khăn nhất.

a. Ngoài các chính sách chung về giảm nghèo; Hộ nghèo, người nghèo dân tộc thiểu số; hộ nghèo, người nghèo sinh sống ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn; xã đặc biệt khó khăn ngoài địa bàn các huyện nghèo được hưởng các chính sách ưu tiên sau:

- Hộ nghèo, người nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn và các thôn, bản đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ;

- Hộ nghèo thuộc huyện nghèo trong thời gian chưa tự túc được lương thực được hỗ trợ 15 kg gạo/khẩu/tháng theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ;

- Chính sách ưu đãi về đầu tư cơ sở hạ tầng; hỗ trợ phát triển sản xuất; hỗ trợ về lãi suất đối với hộ nghèo ở các địa bàn đặc biệt khó khăn như các xã thuộc huyện nghèo;

- Chính sách hỗ trợ học bổng, miễn, giảm học phí cho con hộ nghèo người dân tộc thiểu số ở các địa bàn đặc biệt khó khăn theo học tại các đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề;

- Ưu tiên hỗ trợ nhà văn hóa cộng đồng, đưa thông tin về cơ sở, trợ giúp pháp lý miễn phí đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở các địa bàn đặc biệt khó khăn;

- Xây dựng dự án bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng dự án định canh định cư để hỗ trợ người dân sinh sống ở các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng sạt lở, lũ quét, thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

b. Tiếp tục và mở rộng thực hiện các chính sách ưu đãi đối với huyện nghèo, xã nghèo.

- Huyện nghèo:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, bao gồm: Chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập; chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí; chính sách cán bộ đối với các huyện nghèo; chính sách, cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng ở cả thôn, bản, xã và huyện.

- Xã nghèo:

Ưu tiên đầu tư trước để hoàn thành, đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới đối với cơ sở trường lớp học, trạm y tế, nhà văn hóa ở các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi.

Ưu tiên đầu tư trước để đạt chuẩn các công trình hạ tầng cơ sở theo tiêu chí nông thôn mới ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

Mở rộng chương trình quân dân y kết hợp; xây dựng mô hình giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng để hỗ trợ sản xuất, tạo thu nhập cho người nghèo trên địa bàn biên giới biển; tăng cường bộ đội biên phòng về đảm nhiệm vị trí cán bộ chủ chốt ở các xã biên giới biển theo quy định của Chính phủ.

Các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA và các chương trình khác phải tập trung các hoạt động và nguồn lực ưu tiên đầu tư trước cho các huyện nghèo, xã nghèo để đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo ở các địa bàn này.

4. Về kinh phí cho công tác Giảm nghèo giai đoạn 2011-2015

Kinh phí cho Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015 bao gồm: từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, hợp tác quốc tế và huy động từ cộng đồng; trong đó đặc biệt coi trọng nguồn kinh phí huy động từ cộng đồng thông qua các tổ chức đoàn thể, xã hội với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và thiết thực, thực hiện dân chủ, công khai trong quản lý các nguồn lực của chương trình.

Tổng nhu cầu kinh phí để thực hiện các chính sách, dự án cho Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015 là 7.778.000 triệu đồng, trong đó phân theo nguồn:

- Vốn Chương trình mục tiêu Giảm nghèo (TW): 122.000 triệu đồng.
- Vốn tín dụng ưu đãi (nguồn Ngân hàng CSXH): 4.230.000 triệu đồng.
- Vốn Ngân sách tỉnh (bổ sung có mục tiêu NSTW): 1.135.000 triệu đồng.
- Quỹ xóa đói giảm nghèo (ngân sách tỉnh): 8.000 triệu đồng.
- Huy động cộng đồng và doanh nghiệp: 150.000 triệu đồng.
- Vốn Chương trình, dự án lồng ghép khác: 2.133.000 triệu đồng.

(Chi tiết xem biểu tổng hợp kinh phí kèm theo)

5. Về cơ chế quản lý Chương trình

a. Thực hiện cơ chế phân cấp quản lý và sử dụng kinh phí cho cấp huyện, xã theo hình thức hỗ trợ kinh phí trọn gói có mục tiêu và giao quyền quyết định sử dụng nguồn kinh phí đó cho mục tiêu giảm nghèo và phát triển bền vững ở địa phương. Thực hiện nguyên tắc làm gì, làm như thế nào do địa phương tự quyết định và chịu trách nhiệm trước nhân dân và cơ quan quản lý cấp trên.

b. Quan tâm và chủ động đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ địa phương, cơ sở để có đủ năng lực cần thiết sử dụng nguồn vốn đó đúng mục tiêu, có hiệu quả, không thất thoát. Bảo đảm tính công khai dân chủ, minh bạch về tài chính theo nguyên tắc “Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra và dân được hưởng lợi”.

c. Trên cơ sở nguồn kinh phí được giao và nguồn kinh phí được huy động tại địa phương hoặc lồng ghép nguồn kinh phí từ các chương trình phát triển kinh tế xã hội khác trên địa bàn, chính quyền địa phương chủ động bố trí ngân sách để giải quyết những nhu cầu bức xúc trên địa bàn theo những mục tiêu của Chương trình.

d. Xây dựng cơ chế, quy trình lồng ghép, gắn kết với các chương trình, dự án khác trên địa bàn để tập trung nguồn lực cho mục tiêu giảm nghèo, tránh trùng lặp, chồng chéo.

đ. Trên cơ sở các chính sách và Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015, các huyện, thành phố cụ thể hóa trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nghèo hàng năm và 5 năm 2011-2015 phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh của địa phương mình.

IV. Tổ chức thực hiện

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh: Theo chức năng của từng ngành và nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch và phối hợp với UBND

các huyện và thành phố Quy Nhơn triển khai thực hiện các chính sách và dự án hỗ trợ hộ nghèo, xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, huyện nghèo do ngành quản lý, theo dõi cụ thể như sau:

1. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015; xây dựng cơ chế phối hợp trong tổ chức, chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững tỉnh; hướng dẫn chỉ đạo thực hiện Chính sách dạy nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động cho người nghèo; chỉ đạo thực hiện dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo; dự án nâng cao năng lực giảm nghèo; chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững hàng năm và 5 năm cho UBND tỉnh Bình Định và Bộ Lao động-TB&XH cùng các bộ, ngành Trung ương theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người nghèo phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập; triển khai chương trình, dự án khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cho người nghèo; hướng dẫn chỉ đạo lồng ghép Chương trình xây dựng nông thôn mới với Chương trình mục tiêu Giảm nghèo; phối hợp với các sở, ngành chỉ đạo đầu tư các công trình hạ tầng cơ sở phục vụ sản xuất nông nghiệp, mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với hộ nghèo, xã nghèo.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Có trách nhiệm cân đối và phân bổ nguồn lực; phối hợp với Sở Lao động-TB&XH xác định chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm, cân đối ngân sách tỉnh cho các hoạt động của chương trình, dự án giảm nghèo. Đồng thời có nhiệm vụ lồng ghép giữa Chương trình mục tiêu Giảm nghèo với các chương trình phát triển kinh tế-xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia khác trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc thực hiện cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án với chương trình mục tiêu Giảm nghèo của các ban, ngành, địa phương.

4. Sở Tài chính: Có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, dự án và chính sách giảm nghèo theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành; hướng dẫn quản lý, kiểm tra, giám sát chỉ tiêu tài chính thực hiện Chương trình mục tiêu Giảm nghèo; hướng dẫn tổng hợp quyết toán kinh phí Chương trình.

5. Sở Xây dựng: Là cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục đề xuất nhu cầu cụ thể để hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở trên địa bàn tỉnh Bình Định.

6. Sở Y tế: Có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ về y tế và chăm sóc sức khỏe cho các thành viên hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận các dịch vụ y tế, đảm bảo sức khỏe đầy mạnh sản xuất, giảm nghèo.

7. Sở Giáo dục-Đào tạo: Có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Nhà nước; có cơ chế chính sách hỗ trợ phù hợp đối với học sinh nghèo học trong các trường dân lập do không có điều kiện học trong các trường công lập; ưu tiên đối với con em hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh nghèo khuyết tật trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Công Thương: Có trách nhiệm phối hợp với các ngành liên quan xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn chính sách khuyến công, chính sách thu hút đầu tư vào các ngành, nghề, làng nghề trên địa bàn xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, huyện nghèo. Tổ chức hướng dẫn thực hiện vấn đề xúc tiến thương mại, quảng bá giới thiệu sản phẩm đặc trưng ở các vùng nghèo, các làng nghề truyền thống để giúp phát triển kinh tế-xã hội giảm nghèo bền vững cho các địa phương trên địa bàn tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn ngày càng vững chắc.

9. Sở Tư pháp: Có trách nhiệm chỉ đạo hướng dẫn các phòng Tư pháp cấp huyện, thành phố, Trung tâm trợ giúp Pháp lý tỉnh, các câu lạc bộ trợ giúp Pháp lý thực hiện chính sách trợ giúp Pháp lý cho người nghèo trên địa bàn tỉnh.

10. Sở Nội vụ: Có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng trình UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các chính sách luân chuyển cán bộ cho các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn; chính sách ưu đãi đặc thù, khuyến khích thu hút trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về làm việc tại các xã còn khó khăn, thiếu cán bộ giúp địa phương phát triển kinh tế-xã hội giảm nghèo nhanh và bền vững.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Có trách nhiệm xây dựng văn bản hướng dẫn chính sách hỗ trợ người nghèo, cận nghèo tiếp cận văn hóa, thông tin, nhất là người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; không ngừng nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, phù hợp với bản sắc và truyền thống văn hóa của mỗi dân tộc. Xây dựng và phát triển đời sống văn hóa thông tin ở cơ sở; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tiêu biểu của mỗi dân tộc trên địa bàn tỉnh.

12. Ban Dân tộc tỉnh: Có trách nhiệm xây dựng trình ban hành hoặc ban hành và hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách ưu tiên cho đồng bào dân tộc thiểu số; hướng dẫn tổ chức thực hiện dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, thôn, bản đặc biệt khó khăn; theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội cho các xã đặc biệt khó khăn, thôn bản đặc biệt khó khăn.

13. Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh: Có trách nhiệm tổ chức thực hiện cho vay vốn tín dụng ưu đãi hộ nghèo, hộ có điều kiện kinh tế khó khăn theo quy định. Có biện pháp phối hợp với các đoàn thể, các tổ chức chính trị-xã hội tạo điều kiện tối đa cho các hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, đặc biệt đối với đoàn thanh niên, hộ gia đình trẻ mới chia tách hộ.

14. Bảo hiểm Xã hội tỉnh: Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố hướng dẫn việc thay đổi, cấp mới thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo và hộ cận nghèo hàng năm trên địa bàn tỉnh.

15. Phát huy vai trò tích cực của các tổ chức, đoàn thể chính trị xã hội trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu Giảm nghèo tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh với Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu Giảm nghèo các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo giúp đỡ, hỗ trợ các xã nghèo, hộ nghèo.

a. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên Ban chỉ đạo các cấp hội cơ sở tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động hỗ trợ giảm nghèo như phong trào “Ngày vì người nghèo”, cuộc vận động “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, xây dựng nông thôn mới”; động viên, phát huy tính tự chủ của người dân vươn lên thoát nghèo.

b. Các tổ chức hội, đoàn thể cấp tỉnh: Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tiếp tục duy trì và phát huy những kết quả đã đạt được, tích cực giúp đỡ những hội viên nghèo, yếu thế của tổ chức mình trong việc tiếp cận các chính sách ưu đãi, nhất là chính sách tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Nhà nước về Chương trình mục tiêu Giảm nghèo nhanh và bền vững của tỉnh; hướng dẫn các cấp hội, đoàn thể, hội viên tham gia các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất xóa đói giảm nghèo; tích cực tuyên truyền, vận động, giúp đỡ các hội viên nghèo biết cách làm ăn, tham gia phát triển sản xuất

tăng thu nhập giúp thoát nghèo bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giảm nghèo đã được xác định.

16. Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Phối hợp với các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Nhà nước về giảm nghèo bền vững, phát hiện và tuyên truyền những mô hình giảm nghèo tốt ở các địa phương trong tỉnh và mở chuyên mục về công tác xóa đói giảm nghèo, qua đó tạo sự đồng thuận và nâng cao trách nhiệm của toàn xã hội trong việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo của tỉnh.

17. Trách nhiệm của UBND các huyện và thành phố Quy Nhơn:

Xây dựng Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững của địa phương giai đoạn 2011-2015 và kế hoạch hàng năm để làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn. Huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình mục tiêu Giảm nghèo theo chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Định và hướng dẫn chuyên môn của các sở, ngành cấp tỉnh; phân công rõ trách nhiệm của từng cấp và các phòng, ban ngành cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu Giảm nghèo theo nguyên tắc tăng cường phân cấp cho cơ sở và đề cao tinh thần trách nhiệm của từng địa phương, đơn vị trên địa bàn, phát huy tính dân chủ ở cơ sở.

Trong quá trình thực hiện cần chú trọng việc xây dựng các mô hình phát triển sản xuất xóa đói giảm nghèo hiệu quả nhất, chọn lựa những mô hình tiên tiến, dễ áp dụng, hiệu quả kinh tế cao để nhân rộng và triển khai thực hiện trên địa bàn.

V. Kết luận

Để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và thực hiện đạt kết quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo của Chính phủ giai đoạn 2011-2015; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, Ban chỉ đạo Giảm nghèo tỉnh xây dựng Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định cho giai đoạn 2011-2015.

Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015 khẳng định vị trí hết sức quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh giai đoạn 2011-2015. Triển khai thực hiện Chương trình tốt sẽ góp phần quan trọng để giảm nghèo trên phạm vi cả tỉnh và đặc biệt là những vùng khó khăn, xã nghèo, huyện nghèo; góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế và ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội vùng nông thôn. Nội dung của Chương trình đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp về cơ chế, chính sách và dự án thực hiện Chương trình cho giai đoạn 2011-2015.

Hàng năm các cấp, các ngành và các địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trong phạm vi ngành và địa phương, cuối năm có tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, có chế độ khen thưởng kịp thời những tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong thực hiện Chương trình. Thành công của Chương trình sẽ góp phần thực hiện mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Lê Hữu Lộc